

Số: **255** /QĐ - CĐTKV

Hà Nội, ngày **08** tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

“V/v Chi hỗ trợ kinh phí”

BAN THƯỜNG VỤ CÔNG ĐOÀN THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1024/QĐ - TLĐ ngày 18/7/2006 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Quy định nhiệm vụ quyền hạn của Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ - CĐTKV ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Ban Thường vụ Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam V/v Ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu, quản lý sử dụng tài sản trong Cơ quan Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam;

Xét đề nghị của Ban Chính sách - Pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi 1.100.000.000, đồng (một tỷ, một trăm triệu đồng) hỗ trợ 110 công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn và 122 tập thể tổ, đội, đơn vị có thành tích xuất sắc nhân tháng 5 Tháng công nhân 2019.

(Có danh sách và mức hỗ trợ kèm theo)

Điều 2. Số tiền trên được trích từ nguồn kinh phí năm 2019 của Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam.

Điều 3. Văn phòng, các Ban của Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam, các tập thể, cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP, Ban CSPL.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Xuân

DANH SÁCH TẬP THỂ

(Kèm theo Quyết định số **255** /QĐ - CĐTKV ngày **08** / **5** /2019)

TT	Tên đơn vị	Tên tổ, đội, phân xưởng	Mức tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tổng Công ty CN Hóa chất mỏ	1. Phân xưởng Sản xuất thuốc nổ HCM Cẩm Phả, Công ty CN HCM Việt Bắc	10.000.000	
		2. Đội Khoan nổ mìn Chi nhánh HCM Hà Nam, Công ty CN HCM Bắc Trung Bộ	10.000.000	
		3. Phân xưởng Khoan nổ mìn Công ty CN HCM Nam Bộ	5.000.000	
2	Công ty than Hòn Gai	1. Phân xưởng Khai thác than Lộ thiên	10.000.000	
		2. Phân xưởng số 2, Cao Thắng	10.000.000	
		3. Phân xưởng số 6, Thành Công	10.000.000	
3	Công ty than Hạ Long	1. Phân xưởng Khai thác 6, khu vực Hà Ráng	10.000.000	
		2. Phân xưởng Khai thác 5, khu Tân Lập	10.000.000	
		3. Phân xưởng Khai thác 2, khu Khe Chàm	10.000.000	
4	Công ty than Quang Hanh	1. Ca sản xuất số 1, Phân xưởng Khai thác Lộ thiên	10.000.000	
		2. Ca sản xuất số 1, Phân xưởng khai thác 7	10.000.000	
		3. Ca sản xuất số 1, PX Đào lò 3	10.000.000	
5	Công ty CP than Cao Sơn	1. Phân xưởng Vận tải 4	10.000.000	
		2. Tổ xe HD 465-7R số 507 thuộc Phân xưởng Vận tải 9	5.000.000	
		3. Công trường Khai thác 2	10.000.000	
6	Công ty CP than Núi Béo	1. Công trường Đào lò số 2	10.000.000	
		2. Công trường chế biến than	10.000.000	
7	Công ty CP than Tây Nam Đá Mài	1. Phân xưởng Vận tải 2	10.000.000	
		2. Công trường Sàng tuyển Tiêu thụ	10.000.000	
8	Công ty CP Vật tư	1. Nhà máy dầu 12-11, Xí nghiệp Vật tư Cẩm phả	5.000.000	
9	Công ty than Thống Nhất	1. Phân xưởng Đào lò 2	10.000.000	
		2. Phân xưởng Khai thác 6	10.000.000	
		3. Phân xưởng Khai thác 9	10.000.000	
10	Công ty CP Chế tạo Máy	1. Phân xưởng Cán	10.000.000	
11	Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả	1. Đoàn tàu Cửa Ông 10, Phân xưởng Vận tải và Xếp dỡ	5.000.000	
		2. Tổ sửa chữa, Phân xưởng Ô tô Vận tải 2	5.000.000	
12	Công ty Hoa tiêu Hàng Hải	1. Phòng Đại lý, Phương tiện thủy	5.000.000	
13	Công ty Tuyển than Hòn Gai	1. Phân xưởng Cảng Nam Cầu Trắng	10.000.000	
		2. Phân xưởng Vận tải Ô tô số 1	10.000.000	
14	Công ty CP Giám định	1. Trạm giám định Đá Bạc, Trung tâm dịch vụ Giám định và Khai thác thị	5.000.000	

TT	Tên đơn vị	Tên tổ, đội, phân xưởng	Mức tiền (đồng)	Ghi chú
		trường		
15	Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường	1. Tổ khoan số 5, Phòng thi công thăm dò	5.000.000	
16	Công ty Xây Lắp Mỏ	1. Phân xưởng Đào lò 1	10.000.000	
		2. Phân xưởng Đào lò 5	10.000.000	
17	Công ty Chế Biến than Quảng Ninh	1. Phân xưởng Chế biến than Uông Bí	5.000.000	
18	Công ty CP KD than Miền Bắc	1. Trạm Chế biến và Kinh doanh than Vật Cách, Công ty KD than Hải Phòng	5.000.000	
19	Công ty CP KD than Miền Nam	1. Phòng kho vận 1 (Cảng Gò Dầu)	5.000.000	
20	Cơ quan Tập đoàn TKV	1. Ban điều độ sản xuất	5.000.000	
21	Công ty than Dương Huy	1. Phân xưởng Khai thác than 6	10.000.000	
		2. Phân xưởng Khai thác than 4	10.000.000	
		3. Phân xưởng Đào lò số 1	10.000.000	
22	Công ty CP than Mông Dương	1. Phân xưởng Đào lò 1	10.000.000	
		2. Phân xưởng Khai thác 9	10.000.000	
		3. Phân xưởng Vận tải lò 2	10.000.000	
23	Công ty than Uông Bí	1. Phân xưởng Khai thác Đào lò 3	10.000.000	
		2. Phân xưởng Khai thác Đào lò 6	10.000.000	
		3. Phân xưởng Khai thác Đào lò 13	10.000.000	
		4. Phân xưởng Khai thác Đào lò 21	10.000.000	
24	Công ty than Nam Mẫu	1. Phân xưởng Xây dựng, Môi trường	10.000.000	
		2. Phân xưởng Khai thác 8	10.000.000	
		3. Phân xưởng Đào lò 1	10.000.000	
25	Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc	1. Tổ vận hành sàng than Phân xưởng Khai thác, Công ty than Núi Hồng	5.000.000	
		2. Phân xưởng Vận Tải, Công ty than Khánh Hòa	10.000.000	
		3. Phân xưởng Thành phẩm, Công ty CP Xi măng Na Hiên	10.000.000	
26	Tổng Công ty Điện lực	1. Kíp 1 Phân xưởng vận hành, Công ty nhiệt điện Na Dương	5.000.000	
		2. Phân xưởng vận hành, Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phá	10.000.000	
		3. Phân xưởng vận hành, Công ty nhiệt điện Sơn Động	10.000.000	
27	Công ty CP than Hà Tu	1. Công trường Than	10.000.000	
		2. Công trường Khoan	10.000.000	
28	Công ty CP than Cọc Sáu	1. Phân Xưởng Vận Tải Ô tô số 2	10.000.000	
		2. Phân Xưởng Trạm Mạng	10.000.000	
		3. Công trường Than II	10.000.000	
29	Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ và công nghệ	1. Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp và Xây dựng	5.000.000	
30	Công ty Kho vận Đá Bạc	1. Phân xưởng Kho Cảng Điện Công	10.000.000	
		2. Phân xưởng Đầu máy toa xe	10.000.000	
31	Công ty CP Cơ khí Mạo Khê	1. Phân xưởng Sửa chữa và Lắp ráp	5.000.000	
32	Công ty CP Cơ điện Uông	1. Phân xưởng A2	10.000.000	

TT	Tên đơn vị	Tên tổ, đội, phân xưởng	Mức tiền (đồng)	Ghi chú
	Bí			
33	Công ty CP XNK than	1. Phòng xuất nhập khẩu than	5.000.000	
34	Bệnh viện Than - Khoáng sản	1. Phòng Kế hoạch tổng hợp, Điều dưỡng chống nhiễm khuẩn, Trung tâm y tế than khu vực Mạo Khê	5.000.000	
35	Công ty CP Vận tải và Đưa đón thợ mỏ	1. Phân xưởng Vận tải số 9	10.000.000	
36	Công ty CP Du lịch và Thương mại	1. Nhà ăn số 10, Phòng dịch vụ đời sống, Khách sạn Vân Long	5.000.000	
37	BQLDA nhà máy Tuyển than Khe Chàm	1. Phòng Đầu tư, Môi trường	5.000.000	
38	Công ty CP Đầu tư PT nhà và HT	1. Đội thi công số 1	5.000.000	
39	Công ty CP Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ	1. Phòng kinh doanh 2	5.000.000	
40	Công ty CP than Hà Lâm	1. Công trường KTCB 5	10.000.000	
		2. Công trường Cơ giới hóa khai thác 2	10.000.000	
		3. Công trường Vận tải lò 1	10.000.000	
41	Công ty CP Địa chất mỏ	1. Tổ khoan 18, Xí nghiệp địa chất Đông Triều	10.000.000	
42	Công ty Nhôm Lâm Đồng	1. Phân xưởng Nung Hydrat	10.000.000	
		2. Phân xưởng Sửa chữa tổng hợp	10.000.000	
43	Công ty Nhôm Đăk Nông	1. Phân xưởng Khí hóa than	10.000.000	
		2. Phòng Quản lý chất lượng	10.000.000	
44	Công ty CP Đồng tá Phới	1. Tổ Cơ điện, PX Cơ điện - Tuyển khoáng	10.000.000	
45	Trường Cao đẳng TKV	1. Phân xưởng Hầm lò 2, Trung tâm thực nghiệm sản xuất	5.000.000	
46	Tổng Công ty Khoáng sản	1. Tổ thao tác bề, Phân xưởng Điện phân, Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai	5.000.000	
		2. Tổ tuyển 3, Phân xưởng Tuyển khoáng 1, Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	5.000.000	
		3. Phân xưởng Thi công cơ giới Sin Quyền, Công ty cổ phần Khoáng sản 3	5.000.000	
47	Công ty CP than Vàng Danh	1. Phân xưởng Khai thác 1	10.000.000	
		2. Phân xưởng Khai thác 15	10.000.000	
		3. Phân xưởng Đào lò số 5	10.000.000	
		4. Phân xưởng Vận tải giếng 2	10.000.000	
48	Công ty than Mạo Khê	1. Phân xưởng Đào lò 4	10.000.000	
		2. Phân xưởng Khai thác 6	10.000.000	
		3. Phân xưởng Khai thác 8	10.000.000	
49	Công ty than Khe Chàm	1. Tổ sản xuất số 3, Công trường Đào lò 2	5.000.000	
		2. Tổ SX số 3 Công trường KT9	5.000.000	
		3. Tổ SX số 1 Công trường KT6	5.000.000	
50	Công ty CP Địa chất và	1. Tổ khoan số 3	5.000.000	

TT	Tên đơn vị	Tên tổ, đội, phân xưởng	Mức tiền (đồng)	Ghi chú
	Khoáng sản			
51	Công ty CP KD than Cẩm Phả	1. Phân xưởng Vận tải	10.000.000	
52	Công ty CP Vận tải thủy	1. Tàu vinacomin Hạ Long	5.000.000	
53	Công ty CP Đại lý Hàng Hải	1. Phòng Kế hoạch tổng hợp	5.000.000	
54	BQLDA Tổ hợp Bauxit Nhôm Lâm Đồng	1. Phòng Vật tư tiêu thụ	5.000.000	
55	BQLDA Chuyên ngành mỏ	1. Phòng Thiết bị Công nghệ	5.000.000	
56	Trường QTKD	1. Phòng Đào Tạo	5.000.000	
57	Công ty Tuyển than Cửa Ông	1. Phân xưởng Tuyển than 2	10.000.000	
		2. Phân xưởng Đầu máy toa xe	10.000.000	
		3. Phân xưởng Ô tô	10.000.000	
58	Công ty Môi trường	1. Trạm xử lý nước thải +25 Núi Nhện, Phân xưởng xử lý nước Cẩm phả	5.000.000	
		2. Đội Cơ khí xây dựng, Phân xưởng Cơ khí, lắp máy, xây dựng	5.000.000	
59	Công ty CP Công nghiệp Ô tô	1. Tổ Máy Tiện CNC, Phân xưởng Cơ Khí	5.000.000	
60	Trung tâm cấp cứu mỏ	1. Trạm cấp cứu mỏ Cẩm Phả	10.000.000	
61	Công ty CP than Đèo Nai	1. Công trường Xe gạt - Làm đường	10.000.000	
		2. Công trường Sàng tuyển - Tiêu thụ	10.000.000	
62	Công ty CP Địa chất Việt Bắc	1. Tổ khoan 19	5.000.000	
63	Viện KHCN mỏ	1. Phòng Nghiên cứu Công nghệ Môi trường	5.000.000	
64	Viện CKNL mỏ	1. Tổ 1, phân xưởng Cơ điện, Trung tâm Thiết kế Cơ khí	5.000.000	
65	Công ty CP Cơ khí Ô tô Uông Bí	1. Phân xưởng Cơ khí	10.000.000	
66	Công ty CP SX và TM than Uông Bí	1. Nhà máy gạch Dốc Đò	10.000.000	
67	Công ty CP Cromit Cố Định Thanh Hóa	1. Tổ ép viên số 1, Phân xưởng Ferocrom	5.000.000	
68	Công ty CP sắt Thạch Khê	1. Tổ sản xuất Đăk Nông	5.000.000	
69	BQL Nhà điều hành Vinacomin	1. BQL Nhà điều hành Vinacomin	5.000.000	
70	Tạp chí TKV	1. Phòng Phóng viên	5.000.000	
71	Khách sạn Heritage Hạ Long	1. Bộ phận kỹ thuật	5.000.000	
	Tổng		990.000.000	

DANH SÁCH CNLĐ CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN

(Kèm theo Quyết định số 255/QĐ - CĐTKV ngày 08 / 5 /2019)

TT	Tên đơn vị	Tên CNLĐ có hoàn cảnh khó khăn	Mức tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tổng Công ty CN Hóa chất mỏ	1. Đỗ Hoàng Dũng	1.000.000	
		2. Vương Văn Công	1.000.000	
		3. Nguyễn Xuân Khánh	1.000.000	
2	Công ty than Hòn Gai	1. Lê Văn Đôn	1.000.000	
		2. Lê Thị Thanh Thúy	1.000.000	
		3. Nguyễn Thị Hà	1.000.000	
3	Công ty than Hạ Long	1. Trần Tất Kiên	1.000.000	
		2. Phạm Quang Đạo	1.000.000	
		3. Trung Thị lương	1.000.000	
4	Công ty than Quang Hanh	1. Đặng Thị Tâm	1.000.000	
		2. Đặng Quang Khải	1.000.000	
		3. Khúc Văn Nguyễn	1.000.000	
5	Công ty CP than Cao Sơn	1. Nguyễn Văn Dũng	1.000.000	
		2. Lê Ngọc Thơ	1.000.000	
6	Công ty CP than Núi Béo	1. Phạm Thị Diễm	1.000.000	
		2. Trần Thị Linh Hoa	1.000.000	
		3. Vũ Thị Nụ	1.000.000	
7	Công ty CP than Tây Nam Đá Mài	1. Nguyễn Thị Hoa	1.000.000	
		2. Đặng Khánh Huyền	1.000.000	
8	Công ty CP Vật tư	1. Mạc Trung Dũng	1.000.000	
9	Công ty than Thống Nhất	1. Trần Văn Công	1.000.000	
		2. Nguyễn Sỹ Nguyên	1.000.000	
		3. Hoàng Văn Hùng	1.000.000	
10	Công ty CP Chế tạo Máy	1. Nguyễn Văn Hương	1.000.000	
		2. Vũ Văn Hoàn	1.000.000	
11	Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả	1. Lâm Nhật Huy	1.000.000	
		2. Bùi Thị Thoa	1.000.000	
12	Công ty Tuyển than Hòn Gai	1. Vũ Thị Hải Hòa	1.000.000	
		2. Ngô Thị Giang	1.000.000	
13	Công ty CP Giám định	1. Ngô Xuân Dũng	1.000.000	
14	Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường	1. Nguyễn Văn Đông	1.000.000	
15	Công ty Xây Lắp Mỏ	1. Đào Văn Quân	1.000.000	
		2. Đào Văn Nhỏ	1.000.000	
		3. Trần Trung Phong	1.000.000	
16	Công ty Chế Biến than Quảng Ninh	1. Hoàng Văn Quang	1.000.000	
17	Công ty than Dương Huy	1. Ngô Văn Tôn	1.000.000	

TT	Tên đơn vị	Tên CNLĐ có hoàn cảnh khó khăn	Mức tiền (đồng)	Ghi chú
		2. Lê Ngọc Dũng	1.000.000	
		3. Vũ Ngọc Vương	1.000.000	
18	Công ty CP than Mông Dương	1. Nguyễn Đức Thuận	1.000.000	
		2. Nguyễn Đình Thắng	1.000.000	
		3. Nguyễn Thanh Việt	1.000.000	
19	Công ty than Uông Bí	1. Ngô Thị Thanh Luyên	1.000.000	
		2. Nguyễn Tiến Thành	1.000.000	
		3. Lương Văn Tuấn	1.000.000	
20	Công ty than Nam Mẫu	1. Đoàn Thế Tùng	1.000.000	
		2. Nguyễn Văn Thụy	1.000.000	
		3. Tạ Văn Nam	1.000.000	
21	Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc	1. Trần Thị Hưng	1.000.000	
		2. Đào Xuân Oanh	1.000.000	
		3. Đặng Thị Thái	1.000.000	
22	Tổng công ty Điện lực	1. Nguyễn Thị Tuyết Nhung	1.000.000	
		2. Bùi Thúy Vân	1.000.000	
		3. Hoàng Văn Thi	1.000.000	
23	Công ty CP than Hà Tu	1. Bùi Trọng Yên	1.000.000	
		2. Phạm Thị Thu Vân	1.000.000	
24	Công ty CP than Cọc Sáu	1. Nguyễn Xuân Hào	1.000.000	
		2. Chung Thế Hợp	1.000.000	
25	Công ty Kho vận Đá Bạc	1. Phạm Thế Anh	1.000.000	
		2. Nguyễn Xuân Lộc	1.000.000	
26	Công ty CP Cơ khí Mạo Khê	1. Lê Thị Triều Nga	1.000.000	
		2. Bùi Tổ San	1.000.000	
27	Công ty CP Cơ điện Uông Bí	1. Nguyễn Công Hoàn	1.000.000	
		2. Phạm Thị Lan Hương	1.000.000	
28	Công ty CP Vận tải và Đưa đón thợ mỏ	1. Lê Quốc Hưng	1.000.000	
		2. Lê Văn Cần	1.000.000	
29	Công ty CP Du lịch và Thương mại	1. Tạ Thị Yên	1.000.000	
30	Công ty CP than Hà Lầm	1. Vũ Văn Thành	1.000.000	
		2. Đào Đình Trung	1.000.000	
		3. Nguyễn Ngọc Xô	1.000.000	
31	Công ty CP Địa chất mỏ	1. Nguyễn Văn Vinh	1.000.000	
		2. Đào Văn Hà	1.000.000	
32	Công ty Nhôm Lâm Đồng	1. Nguyễn Văn Phú	1.000.000	
		2. Tạ Thị Huệ	1.000.000	

TT	Tên đơn vị	Tên CNLĐ có hoàn cảnh khó khăn	Mức tiền (đồng)	Ghi chú
33	Công ty Nhôm Đắk Nông	1. Nguyễn Chí Dũng	1.000.000	
		2. Nguyễn Văn Tuấn	1.000.000	
34	Công ty CP Đồng tá Phới	1. Nông Văn Ngoan	1.000.000	
		2. Hà Văn Hùng	1.000.000	
35	Trường Cao đẳng TKV	1. Hoàng Văn Hùng	1.000.000	
36	Tổng Công ty Khoáng sản	1. Hà Văn Đào	1.000.000	
		2. Mã Văn Hải	1.000.000	
		3. Trần Văn Thời	1.000.000	
37	Công ty CP than Vàng Danh	1. Trần Đức Huynh	1.000.000	
		2. Đinh Văn Luân	1.000.000	
		3. Ngô Hải Quân	1.000.000	
38	Công ty than Mạo Khê	1. Hà Thế Anh	1.000.000	
		2. Bì văn Đền	1.000.000	
39	Công ty than Khe Chàm	1. Vũ Văn Tài	1.000.000	
		2. Thèn Văn Nghiệp	1.000.000	
40	Công ty CP Địa chất và Khoáng sản	1. Nguyễn Hữu Tú	1.000.000	
41	Công ty CP KD than Cẩm Phả	1. Đỗ Văn Tới	1.000.000	
		2. Nguyễn Thị Lương	1.000.000	
42	Công ty CP Vận tải thủy	1. Vũ Trường Giang	1.000.000	
43	Công ty Tuyển than Cửa Ông	1. Triệu Thị Phương Thúy	1.000.000	
		2. Hoàng Thanh Giang	1.000.000	
44	Công ty Môi trường	1. Vũ Thị Bích Liên	1.000.000	
		2. Mai Văn Bằng	1.000.000	
45	Công ty CP Công nghiệp Ô tô	1. Nguyễn Thị Yên	1.000.000	
		2. Bùi Thị Lương	1.000.000	
46	Trung tâm cấp cứu mô	1. Vũ Nhậm Dương	1.000.000	
47	Công ty CP than Đèo Nai	1. Đàm Thị Thu Lương	1.000.000	
		2. Lê Minh Chiến	1.000.000	
48	Công ty CP Địa chất Việt Bắc	1. Dương Tiến Bội	1.000.000	
		2. Nguyễn Hồng Lưu	1.000.000	
49	Công ty CP Cơ khí Ô tô Uông Bí	1. Bùi Phong Du	1.000.000	
		2. Đào Thanh Tuấn	1.000.000	
50	Công ty CP SX và TM than Uông Bí	1. Nguyễn Văn Tuấn	1.000.000	
51	Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	1. Nguyễn Việt Cảnh	1.000.000	
		2. Phạm Ngọc Tùng	1.000.000	
52	Công ty CP sắt Thạch Khê	1. Vũ Thị Hằng	1.000.000	
		2. Vũ Văn Phước	1.000.000	
	Tổng		110.000.000	